

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Văn hoá Việt Nam

Mã số: VCU131

Số tín chỉ: 03

Ngành đào tạo: Quản lý thông tin

Thái Nguyên, 01/2021

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGÀNH: QUẢN LÝ THÔNG TIN

I. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Văn hoá Việt Nam
- Tên tiếng Anh: Viet Nam Culture
- Mã học phần: VCU131
- Số tín chỉ: 03
- Module: 6
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
Môn học tiên quyết: + Nguyên lý Mác Lê nin
Môn học trước: + Xã hội học đại cương
- Phân bố thời gian: Học kỳ 2 (45/0/90)
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Cơ bản <input checked="" type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh Tiếng Việt

II. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: **Lèng Thị Lan**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa KHCB
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn KHXH Khoa KHCB
- Điện thoại: 09891421696 Email: lengthilan@tuaf.edu.vn
- Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Văn học năm 2001 tại Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, tốt nghiệp thạc sĩ năm 2005, tốt nghiệp tiến sĩ năm 2015 tại Học viện Khoa học xã hội thuộc Viện Hàn lâm KHXH VN. Lĩnh vực nghiên cứu chính là văn học/văn hóa/ xã hội học/kỹ năng mềm. Chủ trì và tham gia đăng tải 17 bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước thuộc danh mục SCOPUS, chủ nhiệm 02 đề tài (cấp đại học và cấp cơ sở), tham gia 07 đề tài (01 đề tài Ủy ban Dân tộc, 01 đề tài cấp Bộ, 05 đề tài cấp cơ sở) với các nội dung nghiên cứu về: việc làm của thanh niên dân tộc thiểu số tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong phát triển nông thôn mới/ Vai trò giới trong phát triển kinh tế hộ gia đình/Kỹ năng mềm cho sinh viên Đại học Nông Lâm/ Vấn đề di cư và hòa nhập xã hội của nhóm thanh niên dân tộc thiểu số. Chủ biên 01 sách chuyên khảo

về đồng dao dân tộc thiểu số Việt Nam và tham gia viết 01 giáo trình Xã hội học đại cương.

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Nguyễn Đỗ Hương Giang**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Bộ môn: Khoa học xã hội
- Khoa: Khoa học cơ bản
- Điện thoại: 0979 87 19 10 Email: nguyendohuonggiang@tuaf.edu.vn
- Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Xã hội học năm 2008 tại Trường ĐH KHXH&NV – ĐH QGHN. Và bằng tiến sĩ ngành Xã hội học tại Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam năm 2018. Tôi bắt đầu là giảng viên và nghiên cứu viên của Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên từ năm 2008. Hiện đang giảng dạy các môn Xã hội học đại cương, Kỹ năng mềm, Xã hội học về giới, Xã hội học gia đình, Truyền thông và vận động xã hội, Giáo dục tình dục toàn diện. Công việc nghiên cứu hiện tại tập trung vào các vấn đề cơ bản như: Nghiên cứu về thanh niên, sinh viên: định hướng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, giáo dục tình dục toàn diện...; Nghiên cứu về DTTS: vấn đề biến đổi văn hóa; vấn đề lao động việc làm, di cư lao động, hoà nhập xã hội của thanh niên; vấn đề biến đổi khí hậu... ; Nghiên cứu về giới, gia đình... Đã thực hiện 12 đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, đang là thành viên chính của 01 đề tài UB dân tộc và 01 đề tài Nafosted; công bố hơn 30 bài báo, báo cáo trên tạp chí trong nước và quốc tế về chủ đề nghiên cứu và 01 cuốn sách chuyên khảo (trong đó có 4 bài báo SCOPUS và 01 bài báo ESCI thuộc ISI đã được xuất bản); đang chủ biên 01 giáo trình Xã hội học đại cương; là thành viên mạng lưới Tri thức trẻ toàn cầu, thành viên dự án Giáo dục tình dục toàn diện cho sinh viên Đại học Thái Nguyên, là thành viên Câu lạc bộ Hỗ trợ nữ sinh viên dân tộc thiểu số...

2.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: **Cao Đức Minh**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: VPK Khoa KHCB
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tiếng Việt – Xã hội học, Khoa KHCB
- Điện thoại: 0973515 276; 0345566000; Email: caoducminh@tuaf.edu.vn
- Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Xã hội học năm 2012 tại Trường ĐH KHXH&NV – ĐH QGHN. Tốt nghiệp thạc sĩ năm 2014 tại Học viên Khoa học Xã hội thuộc Viện Hàn lâm KHXH VN. Lĩnh vực nghiên cứu chính: xã hội học thanh niên, xã hội học nông thôn, xã hội học đô thị, các vấn đề biến đổi văn hóa, ứng phó với biến đổi khí hậu của người dân tộc thiểu số,...Tham gia viết giáo trình 01 giáo trình Xã hội học đại cương, chủ nhiệm 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường và tham gia 01 đề tài của UB dân tộc về vấn đề di cư

và hòa nhập xã hội của nhóm thanh niên dân tộc thiểu số và tham gia một số các bài báo đăng trên tạp chí trong nước. Hiện đang là NCS tại Liên Bang Nga.

III. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần trong một đoạn văn dài 250-300 từ)

Học phần Văn hóa Việt Nam gồm 5 chương với 45 tiết lý thuyết, bài tập và thảo luận nhóm. Phần lý thuyết nhằm cung cấp toàn diện về văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức đời sống của người Việt, qua đó giáo dục lòng nhân ái, ý thức và trách nhiệm của mỗi công dân đối với di sản văn hóa dân tộc và tương lai của văn hóa Việt Nam. Trên cơ sở đó, giúp người học nhận biết những giá trị văn hóa Việt Nam góp phần giữ gìn, phát huy bản sắc dân tộc trên con đường hội nhập quốc tế, xây dựng nền văn hoá và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ. Phần bài tập thực hành, thảo luận giúp sinh viên vận dụng tri thức lý thuyết trong giải quyết, nhận diện các vấn đề về đời sống để trao đổi, định hướng và nắm bắt xu thế phát triển xã hội, trang bị thêm các kỹ năng và thái độ tích cực đáp ứng nhu cầu con người thời đại mới.

IV. Mục tiêu học phần (Mỗi học phần viết không nên quá 4 mục tiêu, mỗi mục tiêu viết không quá 2 dòng)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT	Trình độ năng lực
M1	Vận dụng các kiến thức về văn hóa làm nền tảng khoa học giải quyết các vấn đề trong quản lý thông tin thực tiễn chuyên môn	5	1
M2	Có phẩm chất chính trị, đạo đức, thái độ tốt	1	1

V. Chuẩn đầu ra học phần (n= 4 – 6 chuẩn đầu ra)

Mục tiêu học phần	Chuẩn đầu ra HP	Mô tả chuẩn đầu ra (sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được)	Chuẩn đầu ra CTĐT	Trình độ năng lực
M1	C1	Sinh viên vận dụng các kiến thức văn hóa làm nền tảng khoa học giải quyết vấn đề trong quản lý thông tin thực tiễn chuyên môn	5	1
	C2	Sinh viên vận dụng tri thức văn hóa cho ứng dụng khoa học trong quản lý thông tin	5	1
M2	C3	Có phẩm chất chính trị, đạo đức, thái độ tốt	1	1

Lưu ý: sự tương quan giữa mục tiêu của học phần với chuẩn đầu ra của học phần và tương quan với CDR của CTĐT. Trình độ năng lực được đánh giá theo thang Bloom (6 mức: 1-Nhớ, 2-hiểu, 3-áp dụng, 4-phân tích, 5-đánh giá, 6-sáng tạo)

Ma trận đóng góp chuẩn đầu ra của học phần (tổng hợp từ bảng trên)

Mã học phần	Tên học phần	Mức độ đóng góp chuẩn đầu ra của CTĐT)							
		1	2	3	4	5	6	7	8
VCU131	Văn hóa Việt Nam	1	-	-	-	1	-	-	-

Lộ trình phát triển kiến thức, kỹ năng, thái độ của học phần

Nội dung	Đáp ứng chuẩn đầu ra học phần		
	1	2	3
Nội dung 1	a		a
Nội dung 2	a		a
Nội dung 3		a	a
Nội dung 4		a	a
Nội dung 5		a	a

VI. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	Chuẩn đầu ra HP	Trình độ năng lực	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
Nội dung 1: Văn hoá và Văn hoá Việt Nam	5				
1.1. Khái niệm 1.1.1 Cơ sở hình thành 1.1.2 Phân biệt Văn hoá với một số khái niệm khác	1	C1;C2	1,1	Thuyết trình, phát vấn, động não	Kiểm tra tự luận
1.2. Đặc điểm	1			Thuyết trình có minh họa, động não và phát vấn	
1.3. Chức năng	2				
1.4. Chủ đề 1: Lấy ví dụ cụ thể từ thực tế Phân biệt khái niệm "văn hóa" với khái niệm "văn minh", "văn hiến", "văn vật" trong đời sống.	1	C1;C2; C3	1,1,1	Thảo luận nhóm, thuyết trình, vấn đáp	Vấn đáp; Báo cáo kết quả thảo luận
Tài liệu học tập và tham khảo		[1], [2], [6]			
Nội dung 2: Cấu trúc và các	5				

thành tố của văn hoá					
2.1. Cấu trúc 2.1.1.Văn hoá vật thể 2.1.2.Văn hoá phi vật thể	2			Thuyết trình có minh họa, động não, phát vấn, chiếu video clip	
2.2. Thành tố của văn hoá 2.2.1.Hệ thống chính trị - xã hội 2.2.2.Pháp luật 2.2.3. Chế độ giáo dục 2.2.4. Ngôn ngữ 2.2.5. Phong tục tập quán 2.2.6. Tôn giáo, tín ngưỡng	3	C1; C2	1,1		
2.3. Chủ đề 2: Người ta thường dựa vào những tiêu chí nào để định vị một nền văn hóa quốc gia/ dân tộc? Ở mỗi tiêu chí ấy, cần quan tâm đến những vấn đề gì để có thể định vị một nền văn hóa? Cho ví dụ về một trong số những tiêu chí đang đề cập.	1			Thảo luận nhóm, thuyết trình, vấn đáp	Vấn đáp; Báo cáo kết quả thảo luận
2.4. Chủ đề 3: Lấy ví dụ cụ thể về mối quan hệ của các thành tố văn hóa.	1	C1; C2;C3	1,1,1		
Kiểm tra giữa kỳ	1				Kiểm tra tự luận hoặc thảo luận nhóm
Tài liệu học tập và tham khảo		[1], [2], [4]			
Nội dung 3: Văn hoá vùng	8				Kiểm tra tự luận
3.1.Văn hoá vùng Tây bắc	1.5	C1;C2	1,1	Thảo luận nhóm, thuyết trình, vấn đáp	
3.2.Văn hoá vùng Việt Bắc	2				
3.3.Văn hoá vùng Châu thổ Bắc bộ	1.5	C1;C2	1,1		

3.4.Văn hoá vùng Trung bộ	1	C1;C2	1,1		
3.5.Văn hoá vùng Tây Nguyên	1	C1;C2	1,1	Thuyết trình có minh họa, động não, phát vấn, chiếu video clip	
3.6.Văn hoá vùng Nam Bộ	1	C1;C2	1,1		
3.7. Chủ đề 4. Hãy trình bày những ấn tượng của em về văn hóa vùng ở Việt Nam?	1	C2;C2;C3,	1,1,1	Thảo luận nhóm, thuyết trình, vấn đáp	Vấn đáp; Báo cáo kết quả thảo luận
Tài liệu học tập và tham khảo		[1], [5], [6]			
Nội dung 4: Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá	7				Kiểm tra tự luận
4.1. Chuyển đổi cấu trúc từ truyền thống đến hiện đại	2	C1;C2	1,1	Thuyết trình có minh họa, động não, phát vấn, chiếu video clip	
4.2. VHVN trong bối cảnh toàn cầu hoá	3	C1;C2	1,1		
4.3. Giải pháp xây dựng nền VHVN trong thời kì mới	2	C1;C2	1,1		
4.4. Chủ đề 5: Hãy phân tích những tác động của toàn cầu hóa đến giá trị văn hóa truyền thống ở Việt Nam (liên hệ thực tế ở địa phương em).	1	C1;C2; C3	1,1,1		
4.5. Chủ đề 6: Cơ hội và thách thức đối với sự nghiệp phát triển văn hóa Việt Nam hiện nay.	1	C1;C2; C3	1,1,1	Thuyết trình, video, vấn đáp	
Tài liệu học tập và tham khảo		[1], [3], [4]			
Nội dung 5: Thanh niên Việt Nam và vai trò giữ gìn – phát huy bản sắc dân tộc trong thời đại mới	5				Kiểm tra tự luận
5.1. Định vị thanh niên trong bối cảnh CMCN 4.0	1	C1;C2	1,1	Thuyết trình có minh họa, động não, phát vấn, chiếu video clip	
5.2. Vai trò của thanh niên trong việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc	3	C1;C2; C3	1,1,1		
5.3. Một số giải pháp hỗ trợ thanh niên tham gia giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc	1	C1; C2	1,1		
5.4. Chủ đề 7: Trách nhiệm của thanh	1.5	C1;C2; C3	1,1,1	Thảo luận nhóm, thuyết trình, vấn	Vấn đáp; Báo cáo kết

niên/sinh viên trong giữ gìn văn hóa nhà trường?				đáp	quả thảo luận
5.5. Chủ đề 8: Thanh niên cần hành động như thế nào để góp phần xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư?	1.5	C1;C2; C3	1,1,1		
Thực hành	6				
<u>Bài 1:</u> Tham quan tại Bảo tàng văn hóa các dân tộc Việt Nam. Số 1 Đội Cấn, Trung Vương, Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	3	C1;C2; C3	1,1,1	Trải nghiệm, quan sát, khảo sát, phỏng vấn	Báo cáo thực tế
<u>Bài 2:</u> Thăm quan thực tế làng nghề sản xuất chè Tân Cương hoặc Nam Hòa.	3	C1;C2; C3	1,1,1	Trải nghiệm, quan sát, ghi hình, khảo sát, phỏng vấn	Báo cáo thực tế
Tài liệu học tập và tham khảo 1. Luật Thanh niên 2005 2. Luật Thanh niên 2020					
Tổng	30				

Lưu ý: Phương pháp dạy học bao gồm: Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, đóng vai, động não, bài tập tình huống, tư duy...

VII. Đánh giá và cho điểm

1. Ma trận đánh giá chuẩn đầu ra của học phần

Ma trận đánh giá CDR của học phần

Các CDR của học phần	Mức năng lực	Chuyên cần (20%)	Giữa kỳ (30%)	Cuối kỳ (50 %)
C1	1	x	x	x
C2	1	x	x	x
C3	1	x		x

2. Rubric đánh giá học phần (*Rubric, tiêu chí đánh giá và quy định trọng số các tiêu chí có thể thay đổi cho phù hợp với quá trình dạy và học trên lớp theo từng giai đoạn*)

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Trọng số (%)	Giỏi (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (5,5-6,9)	Trung bình yếu (4,0-5,4)	Kém < 4,0
Tham gia đầy đủ các buổi học, tiết học trên lớp	100	Tham dự từ 90-100% các buổi học lý thuyết	Tham dự từ 81-89% các buổi học lý thuyết	Tham dự đủ buổi học theo qui định tối thiểu	Tham dự đủ buổi học theo qui định tối thiểu (80%)	Tham dự đủ buổi học theo qui định tối thiểu (80%)

		trên lớp, hăng hái phát biểu trong giờ học	trên lớp, ít phát biểu trong giờ học	(80%) không phát biểu trong giờ học	và mắc hai lỗi trong giờ học (mất trật tự, sử dụng điện thoại)	và mắc ba lỗi trở lên trong giờ học (mất trật tự, sử dụng điện thoại)
--	--	--	--------------------------------------	-------------------------------------	--	---

Rubric 2: Bài tập nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Giỏi (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (5,5-6,9)	Trung bình yếu (4,0-5,4)	Kém <4,0
Bài tập nhóm	100	Trả lời đúng 85-100% yêu cầu của bài tập	Trả lời đúng 70-84% yêu cầu của bài tập	Trả lời đúng 55-69% yêu cầu của bài tập	Trả lời đúng 40-54% yêu cầu của bài tập	Trả lời đúng dưới 40% yêu cầu của bài tập

* Điểm đánh giá quá trình

Điểm đánh giá quá trình = Điểm Rubric 3 x 1,0

Rubric 3: Bài thi giữa kì

Mô tả bài thi giữa kì (theo hình thức giao nhiệm vụ thảo luận nhóm): Giao nhiệm vụ/chủ đề cho nhóm sinh viên thực hiện bài báo cáo theo các nội dung đã học gắn với bối cảnh thực tiễn nghề nghiệp. Sản phẩm báo cáo gồm: quá trình chuẩn bị của nhóm (ảnh hoặc video thảo luận nhóm hoặc nhật kí hoạt động nhóm); bài thuyết trình trên lớp; sản phẩm (theo yêu cầu của nhiệm vụ/chủ đề được giao) có thể là vở kịch/đóng vai, sản phẩm mô phỏng, sản phẩm thiết kế thực, tranh, ảnh, poster,...

TIÊU CHÍ	TRỌNG SỐ (%)	GIỎI (8,5-10)	KHÁ (7,0-8,4)	TRUNG BÌNH (5,5-6,9)	TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)	KÉM <4,0
Hoạt động chuẩn bị của nhóm (Điểm nhóm)	40%	- Xây dựng được kế hoạch thực hiện nhiệm vụ. - Thực hiện đúng kế hoạch. - Có sự phân công và cộng tác tốt giữa các thành viên trong	- Xây dựng được kế hoạch thực hiện nhiệm vụ. - Thực hiện đúng kế hoạch. - Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng sự phân chia	- Xây dựng được kế hoạch thực hiện nhiệm vụ. - Thực hiện chưa đúng kế hoạch. - Chưa có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm, phân chia	- Không xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ - Không có sự kết hợp của các thành viên, chỉ có một vài thành viên làm cá nhân và báo cáo.	Các thành viên trong nhóm không hoạt động.

			nhóm.	công việc không đều hoặc có thành viên không làm việc.	công việc không đều vẫn có thành viên không làm việc.		
Trình bày bài báo cáo trên lớp (Điểm nhóm)	Chất lượng bài thuyết trình	25%	- Nội dung kiến thức đầy đủ, chính xác. - Cách trình bày báo cáo lời cuốn, rõ ràng, dễ hiểu. - Có phân chia báo cáo đồng đều giữa các thành viên.	- Nội dung kiến thức đầy đủ, chính xác. - Trình bày chưa rõ ràng, mạch lạc. - Có phân chia báo cáo nhưng không đồng đều giữa các thành viên.	- Nội dung kiến thức chính xác nhưng còn thiếu. - Trình bày chưa rõ ràng. - Có phân chia báo cáo giữa các thành viên.	- Nội dung kiến thức chưa chính xác còn thiếu, - Trình bày chưa rõ ràng. - Không phân chia báo cáo giữa các thành viên.	Không thực hiện được bài thuyết trình
	Chất lượng sản phẩm	25%	- Sản phẩm đúng yêu cầu được giao. - Có tính ứng dụng thực tiễn - Hình thức đạt yêu cầu	- Sản phẩm đúng yêu cầu được giao. - Có tính ứng dụng thực tiễn - Hình thức chưa đạt yêu cầu	- Sản phẩm đúng nhưng chưa hoàn thiện theo yêu cầu được giao. - Có tính ứng dụng thực tiễn - Hình thức chưa đạt yêu cầu	- Sản phẩm đúng nhưng chưa hoàn thiện theo yêu cầu được giao. - Không có tính ứng dụng thực tiễn - Hình thức chưa đạt yêu cầu	Không có sản phẩm
Trả lời câu hỏi của giáo viên (Điểm cá nhân)	10%	Hiểu và trả lời đầy đủ, rõ ràng, thỏa đáng về công việc được giao trong nhóm	Hiểu và trả lời được khoảng 70% về công việc được giao trong nhóm.	Hiểu và trả lời được khoảng 50% về công việc được giao trong nhóm.	Hiểu và trả lời được khoảng <50% nội dung câu hỏi chung về đề tài.	Không trả lời được câu hỏi	

*** Điểm cuối kỳ**

Điểm cuối kỳ = điểm Rubric 4 x 1,0

Rubric 4: Bài kiểm tra tự luận

Tiêu chí	Trọng số (%)	Giỏi (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (5,5-6,9)	Trung bình yếu (4,0-5,4)	Kém <4,0
Điểm bài kiểm tra (tự luận)	100%	Đáp ứng 85%-100% yêu cầu của bài tự luận.	Đáp ứng 70%-84% yêu cầu của bài tự luận.	Đáp ứng 55%-69% yêu cầu của bài tự luận.	Đáp ứng 40%-54% yêu cầu của bài tự luận.	Đáp ứng <40% yêu cầu của bài tự luận.

*** Điểm cuối kỳ**

Điểm cuối kỳ = điểm Rubric 5 (HOẶC 6) x 1,0

Rubric 5: Bài thi hết môn (VẤN ĐÁP)

TIÊU CHÍ	TRỌNG SỐ (%)	TỐT (8,5-10)	KHÁ (7,0-8,4)	TRUNG BÌNH (5,5-6,9)	TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)	KÉM >4,0
Kiến thức	50	Hiểu rõ và trả lời đầy đủ, rõ ràng, thoả đáng câu hỏi giảng viên đưa ra	Trả lời được khoảng 70% về câu hỏi của giảng viên.	Trả lời được khoảng 50% về câu hỏi của giảng viên.	Trả lời được khoảng 30-40% về câu hỏi của giảng viên.	Không trả lời được câu nào
Kỹ năng	20	Hoạt động tích cực và trả lời câu hỏi lưu loát, vận dụng tốt các kỹ năng được học	Hoạt động khá tích cực và trả lời câu hỏi khá lưu loát, vận dụng tốt các kỹ năng được học	Biết sử dụng kỹ năng thuyết trình nhưng chưa hiệu quả.	Ít sử dụng kỹ năng trong thuyết trình	Chưa biết sử dụng các kỹ năng thuyết trình
Trả lời câu hỏi phụ	20	Có tính thuyết phục, đảm bảo độ tin cậy	Đạt yêu cầu về nội dung	Đạt yêu cầu về nội dung nhưng thiếu logic	Có trả lời nhưng chưa đạt yêu cầu	Không trả lời được

					về nội dung	
Điểm thưởng	10	Kết hợp tốt cả kiến thức, kỹ năng và trả lời tốt câu hỏi phụ	Biết kết hợp cả kiến thức, kỹ năng và trả lời được câu hỏi phụ	Chưa kết hợp nhuần nhuyễn kiến thức và kỹ năng trong khi trả lời câu hỏi.	Không có điểm thưởng	Không có điểm thưởng

Rubric 6: Bài thi hết môn (TIỂU LUẬN- TỰ LUẬN)

TIÊU CHÍ	TRỌNG SỐ (%)	TỐT (8,5-10)	KHÁ (7,0-8,4)	TRUNG BÌNH (5,5-6,9)	TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)	KÉM >4,0
Kiến thức	80	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu nghiên cứu	Trình bày gần đầy đủ nội dung yêu cầu nghiên cứu	Trình bày được 1 nửa nội dung nghiên cứu.	Trình bày một phần nội dung nghiên cứu.	Trình bày chỉ một phần nhỏ của nội dung yêu cầu nghiên cứu.
Kỹ năng	10	Lập luận rõ ràng, phân tích tốt vấn đề	Lập luận khá rõ ràng, đã phân tích được vấn đề	Biết lập luận và chưa phân tích được vấn đề	Ít sử dụng kỹ năng trong giải quyết vấn đề	Chưa biết sử dụng các kỹ năng giải quyết vấn đề
Điểm thưởng	10	Kết hợp tốt cả kiến thức, kỹ năng và trả lời tốt câu hỏi	Biết kết hợp cả kiến thức, kỹ năng và trả lời được câu hỏi	Chưa kết hợp nhuần nhuyễn kiến thức và kỹ năng trong khi trả lời câu hỏi.	Không có điểm thưởng	Không có điểm thưởng

VIII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo (ghi rõ mã số của thư viện)

1. Giáo trình:

- [1]. Trần Ngọc Thêm, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Nxb Giáo dục. NXB.2019.
 [2]. Trần Quốc Vượng (chủ biên), Cơ sở văn hóa Việt Nam, NXB Giáo dục, HN.2018

2. Tài liệu tham khảo:

- [3]. Nguyễn Chí Bền, Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, NXB Chính trị quốc gia, 2019.
 [4]. Hồ Chí Minh về công tác văn hóa văn nghệ, NXB Sự thật, H. 1971.
 [5]. Phan Ngọc, Văn hóa Việt Nam và cách tiếp cận mới, NXBVNTT, 2018

[6]. Phan Ngọc, Bản sắc văn hóa Việt Nam, NXBVHVN, HN. 2010.

[7]. Trần Quốc Vượng, Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm, NXB Văn hóa dân tộc, 2019.

IX. Hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học của học phần (tiết)			Tổng
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
Nội dung 1:	8	0	12	18
Nội dung 2:	8	0	20	30
Nội dung 3:	10	0	18	27
Nội dung 4:	10	0	24	36
Nội dung 5:	9	0	16	24
Tổng	45	0	90	135

X. Định hướng nội dung nghiên cứu của học phần

- Tri thức bản địa với vấn đề môi trường/ du lịch sinh thái địa phương
- Văn hóa vùng miền trong phát triển kinh tế địa phương
- Phát huy bản sắc văn hóa dân tộc gắn với mô hình phát triển kinh tế vùng/miền
- Vai trò của thanh niên trong giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc

XI. Yêu cầu của giảng viên về cơ sở vật chất để giảng dạy học phần:

- Phòng học: đầy đủ bàn ghế, đủ không gian thảo luận nhóm, thoáng, sạch
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Giấy A4, A0, bút dạ, bút màu, máy chiếu, mạng wifi...

- Đối với sinh viên: Sinh viên cần bám sát nội dung trong đề cương bài giảng (giáo trình) để học tập. Cố gắng ghi chép tối đa thông tin giáo viên truyền đạt trên lớp. Trong quá trình tham gia học tập trên lớp phát huy tối đa khả năng tư duy logic, trình bày và thảo luận trao đổi vấn đề. Ngoài ra, khuyến khích sinh viên đọc thêm các tài liệu tham khảo liên quan tới học phần môn học. Cuối mỗi chương học, yêu cầu sinh viên tóm tắt nội dung môn học bằng sơ đồ cây.

XII. Ngày phê duyệt lần đầu:/01/2021

P. TRƯỞNG KHOA

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Dương T. Kim Huệ

TS. Lèng Thị Lan

XIII. Tiến trình cập nhật đề

Lần 1: - Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 1: <i>ngày .. tháng .. năm</i> - Lý do cập nhật, bổ sung	<Người cập nhật ký và ghi rõ họ tên) Trưởng Bộ môn:
---	--